

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hg Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa vắng mặt: Anh H; chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị Hg Thị T cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hg Thị T và anh Nguyễn Thế H lấy nhau là H toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2016 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mắc vào con đường nghiện ma túy, anh H đi làm nhưng không mang tiền về cho vợ con, làm đến đâu chi tiêu riêng hết đến đấy và còn phá tán tài sản của gia đình. Vì thế, chị T và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị T cũng đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh H không bỏ được ma túy. Chị T không chịu đựng được nên

đã đưa con nhỏ về sống nương nhờ tại nhà bố mẹ đẻ chị T ở Nghệ An. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 4/2019. Đến cuối năm 2019, anh H sử dụng trái phép chất ma túy, bị công an bắt và đưa đi cai nghiện bắt buộc trong khoảng thời gian 02 năm. Sau khi H thành chương trình cai nghiện bắt buộc, anh H có gọi điện tìm chị T về để vợ chồng chung sống đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý, chị T đã làm đơn khởi kiện ly hôn và anh H cũng đã ký đơn ly hôn. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với anh H.

Anh Nguyễn Thế H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh H không tham gia tố tụng, vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc khi Tòa án triệu tập.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hg T, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2016, hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng anh H vắng mặt nên không hoà giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị T và anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Hg Thị T và anh Nguyễn Thế H. Về con chung, đề nghị giao cháu Nguyễn Hg T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Hg Thị T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn (anh Nguyễn Thế H), nhưng anh H không tham gia tố tụng, vắng mặt tất cả các buổi làm việc khi Tòa án triệu tập, gây cản trở quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Tòa án, nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa; chị Hg Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy

Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với chị T, anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hg Thị T và anh Nguyễn Thế H là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do anh H nghiện ma túy, phá tán tài sản của gia đình. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Anh H không tham gia tố tụng và không có quan điểm về nội dung vụ án, tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại UBND xã C và ý kiến của bố đẻ anh H (ông Nguyễn Hồ Bắc) xác định quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, phá tán tài sản gia đình. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị T có đơn khởi kiện ly hôn, anh H đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh xác định, anh đã ký đơn ly hôn của chị T, Tòa án có hòa giải vợ chồng anh cũng không thể về chung sống đoàn tụ được nên anh không đến Tòa án làm việc. Như vậy, chị T đã kiên quyết ly hôn, anh H cũng đã ký đơn ly hôn và không có thiện chí tham gia hòa giải đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh H cố tình vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện của chị T ghi ngày 31/01/2023, anh H cũng đã ký đơn đồng ý cho chị T nuôi con. Nay chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu T. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi cháu T của chị T là chính đáng và thực tế từ trước đến nay chị T là người trực tiếp nuôi cháu T, điều kiện cuộc sống của cháu được đảm bảo, ổn định. Vì vậy, nên giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Thế H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2016, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2021/0002366 ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C, huyện Lý Nhân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam